

FACTORS AFFECTING SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT IN AN GIANG PROVINCE, VIETNAM

Nguyen Thi Kim Ngan, Nguyen Chi Hai*

An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	08/9/2022	Sustainable development, including tourism development, is a common trend in all economies. An Giang province has oriented to build and develop the tourism industry into a spearhead economic sector and a tourist center of the Mekong Delta, Vietnam. To achieve this goal, An Giang province should have a development policy in the right direction, while ensuring development, exploiting natural advantages, and ensuring long-term sustainable growth. The study's objective is to examine the factors affecting sustainable tourism development in An Giang province, Vietnam. The study used methods of descriptive statistical analysis, exploratory factor analysis, and regression analysis. The data were collected from a survey of 650 domestic and foreign tourists to An Giang. SPSS 20, and AMOS 24 software were used to analyze and evaluate the scale and test hypotheses. The results of the study show that there are six factors affecting sustainable tourism development in An Giang province, Vietnam, including economy, society, environment, tourism human resources, tourism products and services, and infrastructure.
Revised:	29/9/2022	
Published:	29/9/2022	
KEYWORDS		
Affective factors		
Development		
Sustainable tourism		
An Giang		
Vietnam		

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở TỈNH AN GIANG, VIỆT NAM

Nguyễn Thị Kim Ngân, Nguyễn Chí Hải*

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	08/9/2022	Phát triển bền vững mà trong đó có phát triển du lịch là xu hướng chung của mọi nền kinh tế. Tỉnh An Giang đã định hướng xây dựng và phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và trở thành trung tâm du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, tỉnh An Giang nên có chính sách phát triển đúng hướng, đồng thời đảm bảo sự phát triển, khai thác lợi thế về tự nhiên, đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài. Mục tiêu của nghiên cứu này là xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam. Các phương pháp được sử dụng bao gồm phân tích thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy. Dữ liệu được thu thập từ kết quả của cuộc khảo sát 650 khách du lịch trong và ngoài nước đến An Giang. Phần mềm SPSS 20, AMOS 24 dùng để phân tích, đánh giá thang đo, kiểm tra các giả thuyết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sáu yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam, bao gồm kinh tế, xã hội, môi trường, tài nguyên du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch, cơ sở hạ tầng. Từ kết quả nghiên cứu, một cuộc thảo luận về giải pháp được đề xuất đối với sự phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam.
Ngày hoàn thiện:	29/9/2022	
Ngày đăng:	29/9/2022	
TỪ KHÓA		
Yếu tố ảnh hưởng		
Phát triển		
Du lịch bền vững		
An Giang		
Việt Nam		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6478>

* Corresponding author. Email: nchai@agu.edu.vn

1. Giới thiệu

Du lịch là ngành dịch vụ có khả năng đóng góp to lớn cho sự phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển, mang lại hiệu quả nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội [1]. Phát triển du lịch bền vững là lĩnh vực có liên quan đến nhiều yếu tố bao gồm tự nhiên, kinh tế, văn hoá, chính trị và xã hội [2]. Các yếu tố này cần thiết để tạo nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo. Chúng ta nên phát triển du lịch nhưng không làm tổn hại đến các nguồn tài nguyên, và không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Có thể hiểu, du lịch bền vững sẽ là xu thế phát triển của ngành du lịch [3]. Bên cạnh phát triển thân thiện với môi trường, du lịch bền vững còn bao hàm cách tiếp cận du lịch thừa nhận vai trò của cộng đồng địa phương và mong muốn tối đa hóa lợi ích kinh tế của du lịch cho cộng đồng địa phương [4].

Du lịch có một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế ở nhiều quốc gia trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. An Giang là địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ tăng trưởng lượng khách du lịch cao trong những năm gần đây; tỉnh An Giang có một số điều kiện thuận lợi cần thiết cho sự phát triển vượt bậc của ngành du lịch [5]. Về vị trí địa lý, tỉnh có chung 104 km đường biên giới với Campuchia về phía Bắc và Tây Bắc, chạy dọc theo kênh Vĩnh Tế, phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp với chiều dài 107,628 km, phía Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ, phía Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang 44,734 km. Mặt khác tỉnh An Giang nằm gần vùng du lịch Đông Nam Bộ, cách trung tâm kinh tế thành phố Hồ Chí Minh là 231 km. Đây là điều kiện quan trọng cho việc hình thành và phát triển các loại hình du lịch và thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với An Giang.

Về tài nguyên tự nhiên, địa hình An Giang có những đặc điểm nổi bật so với địa hình đồng bằng rộng lớn vùng Tây Nam Bộ là sự xen kẽ giữa địa hình đồng bằng châu thổ và đồi núi; vùng đất địa linh “Bảy Núi - Thất Sơn” có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo. An Giang nằm ở vị trí hạ lưu của sông Mekong làm tiền đề cho việc hình thành và phát triển các loại hình du lịch. An Giang có hệ sinh thái đa dạng và phong phú. Về tài nguyên du lịch nhân văn, An Giang có nhiều di tích lịch sử, công trình văn hóa, trong đó có 27 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và 48 di tích xếp hạng cấp tỉnh [6]. Thống kê toàn tỉnh có 41 lễ hội, gồm các lễ hội dân gian, lễ hội tôn giáo, lễ hội lịch sử cách mạng; trong đó có 1 lễ hội thuộc cấp Bộ quản lý, 6 lễ hội thuộc cấp tỉnh quản lý; một số lễ hội tiêu biểu như lễ hội Bà Chúa Xứ, lễ hội Chol Chnam Thmay, lễ Đôn Ta, hội đua bò dân tộc Khmer. Với những điều kiện thuận lợi, tỉnh An Giang đã xác định phát triển du lịch tỉnh An Giang thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bền vững; như vậy, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang nên được quan tâm để đảm bảo sự ổn định, cân bằng và phát triển lâu dài.

Đến nay, đã có một số công trình liên quan đến phát triển du lịch bền vững, theo Vương Khánh Tuấn và Premkumar Rajagopal., xu hướng phát triển du lịch bền vững trong thời kỳ mới là đề ra các giải pháp phù hợp để phát triển ngành du lịch, không làm tổn hại đến môi trường, văn hóa địa phương, ảnh hưởng đến thế hệ sau. Các tác giả đã tổng hợp và đưa ra 3 yếu tố chính ảnh hưởng đến du lịch bền vững, đó là xã hội, kinh tế và môi trường [7].

Các tác giả Đặng Thị Thúy Duyên và Lê Minh Thoa cho rằng phát triển du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở hầu hết các quốc gia. Trong đó, du lịch phát triển là cơ sở để thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Có 5 yếu tố tác động tích cực và gia tăng lượng khách du lịch bao gồm “Hạ tầng viễn thông”, “Hạ tầng du lịch”, “Dịch vụ phục hồi của lao động du lịch”, “Dịch vụ phụ trợ” và “Yếu tố thời gian” [8].

Theo tác giả Vũ Văn Đông và cộng sự, phát triển bền vững trong đó có phát triển du lịch là xu hướng chung của tất cả các nền kinh tế. Định hướng xây dựng và phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nghiên cứu đã xem xét các yếu tố và xu hướng của chúng trong phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho

thấy, có 4 nhóm yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến phát triển du lịch bền vững tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Đó là các nhóm yếu tố xã hội, môi trường, sản phẩm và dịch vụ du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật [9].

Tác giả Nguyễn Trọng Nhân chỉ ra rằng có 7 nhân tố ảnh hưởng đến sự đáp ứng các nguyên tắc du lịch bền vững của tỉnh An Giang theo tầm quan trọng giảm dần là “Hỗ trợ kinh tế địa phương và sự trung thực trong quảng bá hình ảnh điểm đến”, “Bảo vệ môi trường, sự đầu tư cơ sở hạ tầng, sự tham gia và hưởng lợi của người dân địa phương, những hoạt động thay đổi hành vi của du khách”, “Đào tạo nhân viên”, “Sử dụng nguồn lực một cách bền vững”, “Quản lý rác thải và hoạt động thay đổi hành vi của người dân địa phương”, “Sự đa dạng thiên nhiên”, “Sự đa dạng văn hóa” [10].

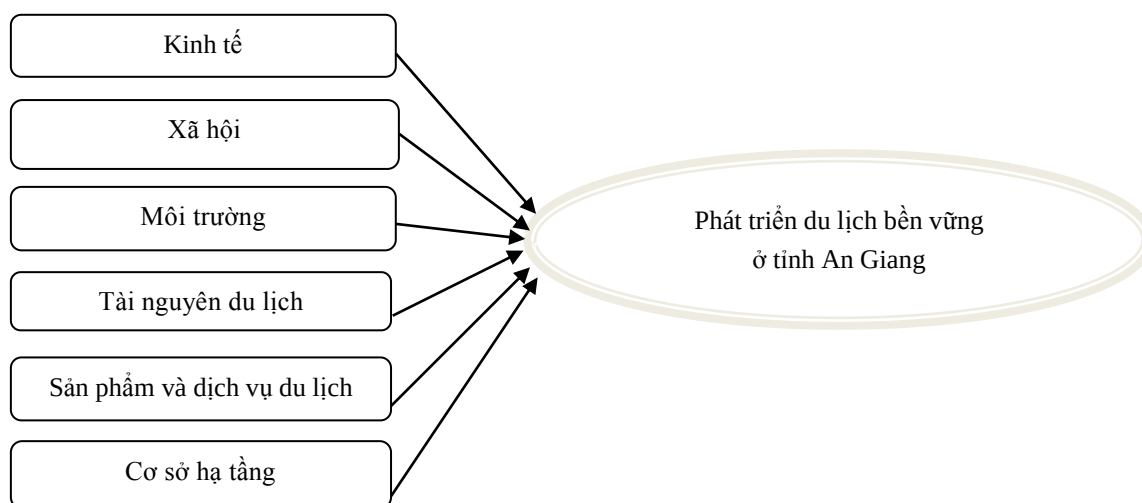
Các công trình nghiên cứu trước đây chưa nghiên cứu định lượng về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam. Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đặt câu hỏi: Những nhân tố nào ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam? Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây, chúng tôi đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam có 7 nhân tố bao gồm kinh tế, xã hội, môi trường, tài nguyên du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch, cơ sở hạ tầng. Các nhân tố trong mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Các nhân tố trong mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam

STT	Các nhân tố	Các biến quan sát
1	Kinh tế	(1) Cải thiện được thu nhập nhờ vào du lịch; (2) Người dân được giảm nghèo nhờ vào du lịch; (3) Đời sống xã hội được cải thiện nhờ vào hoạt động du lịch; (4) Giá dịch vụ tăng nhanh từ khi có du lịch; (5) Lợi ích từ du lịch không đồng đều; (6) Nhiều người dân địa phương có việc làm từ du lịch.
2	Xã hội	(1) Người dân địa phương được đào tạo làm du lịch; (2) Người dân di cư đến các khu du lịch tìm việc làm; (3) Quá tải với tình trạng đông đúc của du khách; (4) Tình trạng mất an ninh trật tự có xu hướng tăng; (5) Phá vỡ cảnh quan tự nhiên; (6) Thiếu các hoạt động vui chơi, giải trí cho du khách.
3	Môi trường	(1) Nhiều rác thải từ du khách; (2) Rác thải chưa được thu gom và xử lý; (3) Quán ăn thiếu hệ thống xử lý nước thải; (4) Thiếu nước ngọt sử dụng; (5) Ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi từ hoạt động du lịch.
4	Tài nguyên du lịch	(1) Cảnh quan thiên nhiên; (2) Lễ hội; (3) Di tích văn hóa, lịch sử; (4) Làng nghề; (5) Ẩm thực.
5	Sản phẩm du lịch và dịch vụ	(1) Các đặc sản của địa phương, nghệ thuật và thủ công; (2) Du lịch tham quan; (3) Du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng; (4) Du lịch tâm linh; (5) Du lịch tìm hiểu văn hóa - lịch sử.
6	Cơ sở hạ tầng cho du lịch	(1) Giao thông; (2) Thông tin liên lạc; (3) Hệ thống điện nước; (4) Công nghệ quản lý hỗ trợ du lịch; (5) Công nghệ quảng bá, xúc tiến du lịch.
7	Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang	(1) Tạo sự hấp dẫn điểm đến cho du khách, (2) Giải quyết tác động xã hội, (3) Mức độ kiểm soát hoạt động du lịch, (4) Quản lý chất thải, (5) Sự đa dạng sản phẩm du lịch.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm ra, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam, chúng tôi đã dựa trên khung lý thuyết kết hợp với nghiên cứu tài liệu để xây dựng mô hình nghiên cứu ở Hình 1. Các phương pháp được sử dụng bao gồm phân tích thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy để kiểm định mô hình nghiên cứu.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam

Trên cơ sở kết quả thảo luận sơ bộ, một bảng câu hỏi được xây dựng về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam. Phương pháp tiến hành là du khách trả lời trực tiếp vào bảng hỏi gồm có 43 mục Likert. Trong bảng hỏi có các câu hỏi về nhân khẩu học gồm khu vực khảo sát, giới tính, nghề nghiệp, tuổi, học vấn, thu nhập hàng tháng, số lần đến tỉnh An Giang của du khách, và 7 thang đo của mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam. Thang đo Likert được sử dụng với dải giá trị từ 1 đến 5 để đo lường mức độ cảm nhận của đối tượng khảo sát: (1) hoàn toàn không đồng ý, (2) không đồng ý, (3) trung lập, (4) đồng ý, (5) hoàn toàn đồng ý. Việc thu thập dữ liệu diễn ra trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2022. Nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh An Giang, Việt Nam. Bảng câu hỏi đã được phát cho 670 du khách. Có 650 phiếu trả lời hợp lệ đã được thu thập, được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu khảo sát

Đặc điểm nhân khẩu học và vùng khảo sát	Số lượng du khách	Tỷ lệ phần trăm
1. Vùng khảo sát	650	100%
Long Xuyên	49	7,5
Châu Đốc	88	13,5
Chợ Mới	50	7,7
Phú Tân	113	17,4
Tân Châu	59	9,1
An Phú	135	20,8
Thoại Sơn	58	8,9
Tịnh Biên	98	15,1
2. Giới tính	650	100%
Nam	335	51,5
Nữ	315	48,5
3. Nghề nghiệp	650	100%
Công chức, viên chức nhà nước	52	8,0
Doanh nhân	83	12,8
Các nhà nghiên cứu	38	5,8
Kinh doanh	125	19,2
Nhân viên	59	9,1
Giáo viên	130	20,0
Lao động tự do	63	9,7
Khác	100	15,4

Đặc điểm nhân khẩu học và vùng khảo sát	Số lượng du khách	Tỷ lệ phần trăm
4. Tuổi	650	100%
< 30	176	27,1
30 - 40	155	23,8
40 - 50	108	16,6
> 50	211	32,5
5. Trình độ văn hóa	650	100%
Thạc sỹ, Tiến sỹ	69	10,6
Cao đẳng, Đại học	190	29,2
Trung cấp	142	21,8
Khác	249	38,3
6. Thu nhập hàng tháng (triệu đồng)	650	100%
< 10	136	20,9
10 - 20	195	30,0
20 - 30	108	16,6
> 30	211	32,5
7. Số lần đến An Giang	650	100%
1	315	24,7
2- 4	391	30,7
5- 6	343	26,9
> 6	226	17,7

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha là phép kiểm định về mức độ chặt chẽ mà các thang đo tương quan với nhau. Theo các nhà nghiên cứu về thang đo, hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 là có thể sử dụng được, thang đo tốt nhất trong khoảng từ 0,8 đến 1. Ngoài ra, các biến có hệ số tương quan biến tổng < 0,3 sẽ bị loại khỏi mô hình nghiên cứu [11].

Kết quả xử lý dữ liệu tại Bảng 3 đã cho thấy 7 thang đo đều đạt được độ tin cậy cao. Cronbach's Alpha > 0,8 và Hệ số tương quan biến tổng > 0,3. Nó thể hiện sự phù hợp của thang đo [12].

Bảng 3. Kết quả kiểm định độ tin cậy các thang đo

Thang đo	Mã hóa	Biến quan sát	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng
Kinh tế	KTE	6	0,912	0,672 - 0,847
Xã hội	XHO	6	0,882	0,620 - 0,822
Môi trường	MTR	5	0,853	0,571 - 0,798
Tài nguyên du lịch	TND	4	0,923	0,771 - 0,863
Sản phẩm và dịch vụ du lịch	SPD	5	0,911	0,709 - 0,841
Cơ sở hạ tầng	HTD	5	0,944	0,773 - 0,910
Phát triển du lịch bền vững An Giang	DBV	5	0,951	0,792 - 0,889

3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA cho các thang đo

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's thể hiện giá trị KMO = 0,866, chứng tỏ nhân tố khám phá này là phù hợp cho thang đo. Theo kiểm định Bartlett's, giá trị Sig. = 0,000 (< 0,05), chứng tỏ các biến có tương quan với nhau trong các nhân tố [13].

Thông số Eigenvalues ≥ 1 được giữ lại trong mô hình phân tích. Kết quả phân tích thể hiện giá trị Eigenvalue = 1,318 (≥ 1) và trích được 7 nhân tố mang ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất. Chỉ số tổng bình phương hệ số tải nhân tố tích lũy (Cumulative) là 74,223% $\geq 50\%$ cho thấy mô hình EFA là phù hợp [14].

Kết quả bảng ma trận xoay tại Bảng 4 cho thấy, 36 biến quan sát được phân thành 7 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0,5 và không còn các biến xấu. Do đó, cả 7 nhân tố được giữ lại trong mô hình nghiên cứu [14].

Bảng 4. Bảng nhân tố ma trận xoay

Mã hóa của các biến quan sát	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
KTE5	0,869						
KTE6	0,835						
KTE3	0,810						
KTE4	0,786						
KTE1	0,741						
KTE2	0,741						
HTD4		0,949					
HTD5		0,929					
HTD3		0,912					
HTD2		0,856					
HTD1		0,806					
XHO6			0,891				
XHO4			0,826				
XHO5			0,817				
XHO2			0,723				
XHO3			0,713				
XHO1			0,697				
SPD5				0,894			
SPD4				0,877			
SPD1				0,827			
SPD2				0,802			
SPD3				0,786			
DBV4					0,811		
DBV2					0,801		
DBV5					0,780		
DBV1					0,769		
DBV3					0,654		
TND3						0,907	
TND4						0,891	
TND1						0,845	
TND2						0,841	
MTR5							0,837
MTR3							0,787
MTR2							0,773
MTR1							0,722
MTR4							0,659

3.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA trong mô hình

Phân tích nhân tố khẳng định (CFA) là kỹ thuật thống kê của mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Phương pháp phân tích nhân tố khẳng định được sử dụng để kiểm định các thang đo, mức độ phù hợp mô hình. Kết quả phân tích CFA được đánh giá thông qua các chỉ tiêu bao gồm tính đơn hướng, độ tin cậy, tính hội tụ, và tính phân biệt.

Kiểm định tính đơn hướng trong mô hình, kết quả phân tích nhân tố khẳng định cho 8 thang đo của các khái niệm có các chỉ số ở Hình 2 là Chi-square = 2,208; CFI = 0,952 ($> 0,9$); hệ số RMSEA = 0,051 ($< 0,6$); PCLOSE = 0,242, các hệ số vừa thể hiện là chấp nhận được [15]. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định đã thể hiện tính đơn hướng của các thang đo trong mô hình nghiên cứu.

Kết quả kiểm định tính hội tụ (convergent validity), tính phân biệt (discriminant validity) và sự tin cậy (reliability) trong Bảng 5 đã cho chúng ta thấy tất cả giá trị độ tin cậy tổng hợp (CR) $> (0,7)$ nghĩa là độ tin cậy các thang đo được đảm bảo; tất cả giá trị phương sai trung

bình được trích (AVE) > (0,5) có nghĩa là tính hội tụ được đảm bảo; và tất cả giá trị phương sai riêng lớn nhất (MSV) < Phương sai trung bình được trích (AVE) thì tính phân biệt cũng được đảm bảo [14].

Bảng 5. Kết quả kiểm định độ tin cậy, tính hội tụ, và tính phân biệt

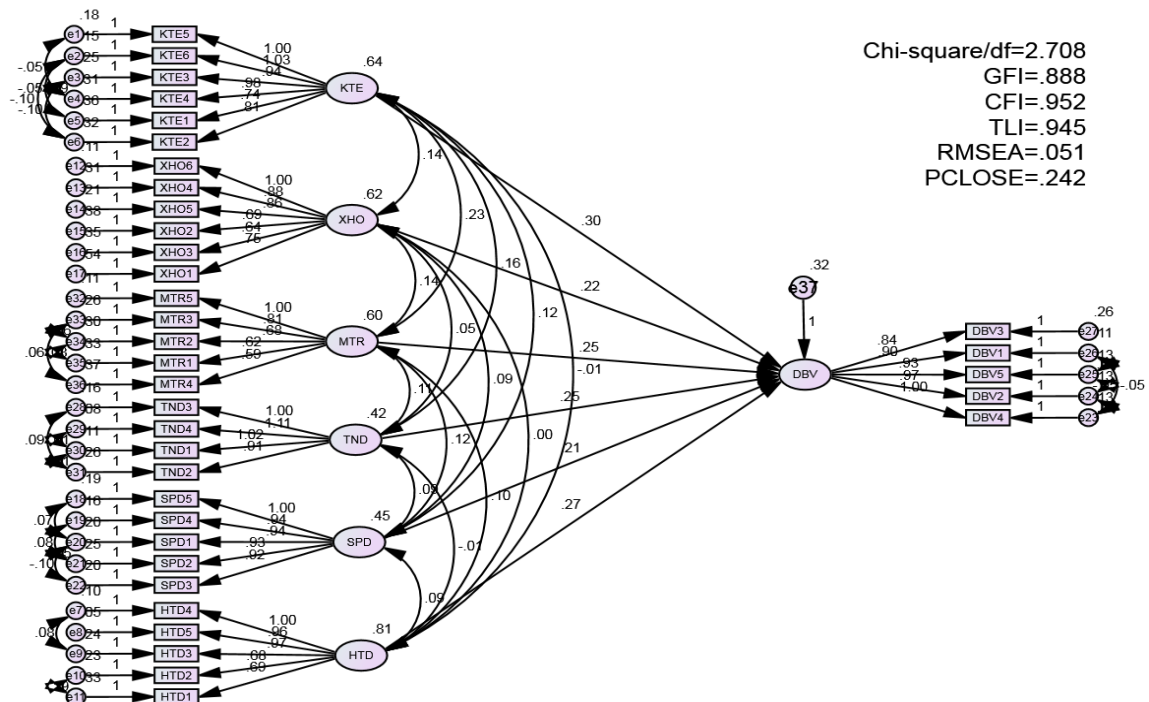
Cấu trúc các nhân tố	Số biến	CR	AVE	MSV	MaxR(H)
Kinh tế (KTE)	6	0,913	0,639	0,269	0,931
Cơ sở hạ tầng (HTD)	5	0,943	0,769	0,108	0,970
Xã hội (XHO)	6	0,884	0,565	0,134	0,919
Sản phẩm và dịch vụ du lịch (SPD)	5	0,912	0,677	0,166	0,920
Phát triển du lịch bền vững An Giang (DBV)	5	0,952	0,800	0,270	0,957
Tài nguyên du lịch (TND)	4	0,924	0,753	0,153	0,929
Môi trường (MTR)	5	0,856	0,547	0,270	0,892

Như vậy, kết quả kiểm định ở Bảng 5 đã thể hiện được độ tin cậy tổng hợp, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt được đảm bảo ở các thang đo.

3.4. Kiểm định cấu trúc tuyến tính (SEM) mô hình

Kết quả xử lý dữ liệu được tiếp tục thực hiện để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam. Những phát hiện trong nghiên cứu được trình bày ở Bảng 6, và Hình 2 về các chỉ số trong mô hình, và sự tác động của các nhân tố đến sự phát triển du lịch bền vững ở tỉnh An Giang, Việt Nam.

Kiểm định cấu trúc tuyến tính (SEM) trong mô hình có Chi-square = 2,208, CFI = 0,952, GFI = 0,088, RMSEA = 0,051, PCLOSE = 0,242.



Hình 2. Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu

Kết quả kiểm định cấu trúc tuyến tính mô hình được thể hiện ở Hình 2 và Bảng 6, các số liệu thể hiện giá trị Sig của các thang đo KTE = 0,000 (< 0,05), HTD = 0,000 (< 0,05), TND = 0,000 (< 0,05), MTR = 0,000 (< 0,05), XHO = 0,000 (< 0,05), SPD = 0,000 (< 0,05). Qua các giá trị Sig đã thể hiện rằng có mối quan hệ tác động giữa biến động lập và biến phụ thuộc [16].

Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa các khái niệm trong mô hình ở Bảng 6 cho thấy các hệ số hồi quy chuẩn hóa càng lớn thì biến độc lập tương ứng tác động càng mạnh đến biến phụ thuộc phát triển du lịch bền vững An Giang (DBV). Các nhân tố có tác động đến phát triển du lịch bền vững An Giang gồm HTD = 0,283, KTE = 0,282, MTR = 0,224, XHO = 0,204, TND = 0,190, SPD = 0,166.

Bảng 6. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa các khái niệm trong mô hình

Mối quan hệ tác động	Hệ số hồi quy	Sig	Hệ số hồi quy chuẩn hóa
DBV <--- KTE	0,302	0,000	0,282
DBV <--- HTD	0,268	0,000	0,283
DBV <--- TND	0,252	0,000	0,190
DBV <--- MTR	0,248	0,000	0,224
DBV <--- XHO	0,221	0,000	0,204
DBV <--- SPD	0,212	0,000	0,166

Kết quả kiểm định cấu trúc tuyến tính mô hình nghiên cứu có R^2 (Adjusted R Square) của DBV = 0,561, điều này có nghĩa là mô hình nghiên cứu là phù hợp, có ý nghĩa là mô hình tốt. Mô hình hồi quy giải thích rằng các biến độc lập ảnh hưởng đến 56,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc phát triển du lịch bền vững An Giang (DBV) trong mô hình.

Kiểm định cấu trúc tuyến tính mô hình nghiên cứu cho thấy, các thang đo đều đạt được độ tin cậy và có giá trị cho phép đánh giá mô hình. Những phát hiện của nghiên cứu thể hiện có 6 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững An Giang bao gồm kinh tế, xã hội, môi trường, tài nguyên du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch, cơ sở hạ tầng.

Trên cơ sở phân tích số liệu mô hình nghiên cứu, chúng tôi xin bàn luận một số ý kiến trong phát triển du lịch bền vững tỉnh An Giang. Chúng ta nên đầu tư xây dựng hoàn thiện hơn nữa cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ảnh hưởng lớn đến ý định của du khách, thể hiện tính chuyên nghiệp trong hoạt động du lịch. An Giang cần đầu tư nâng cấp, tuy nhiên cần có sự chọn lọc, đánh giá để phối hợp nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia và tránh lãng phí trong quá trình xây dựng cũng như bảo đảm tính toàn vẹn của môi trường và tài nguyên.

Cộng đồng đang nhận được nhiều lợi ích khi tham gia vào hoạt động du lịch như cải thiện được kinh tế gia đình, bảo đảm lợi ích cuộc sống, chúng ta nên quan tâm đến vấn đề việc làm, nâng cao đời sống của người dân xung quanh các khu du lịch [17]. Từ đó, người dân bản địa sẽ có ý thức hơn trong việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường [18]. Họ sẽ không tập kết và mua bán trái phép tại các khu vực bị cấm ở các điểm du lịch, tạo nên môi trường du lịch thân thiện, hấp dẫn.

Mở các chiến dịch vì môi trường tại các điểm du lịch bằng cách vận động tình nguyện viên, học sinh, sinh viên nhặt rác, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp tại các điểm du lịch và dán các biển khẩu hiệu thu hút sự chú ý của du khách để giảm thiểu ô nhiễm rác thải [19].

4. Kết luận

Mô hình nghiên cứu giả định được kiểm tra trên các thang đo cho thấy mức độ phù hợp của các yếu tố. Kết quả nghiên cứu đã kiểm chứng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững An Giang, Việt Nam. Trong đó, có sáu yếu tố thể hiện mức độ ảnh hưởng từ mạnh đến yếu gồm cơ sở hạ tầng, kinh tế, môi trường, xã hội, tài nguyên du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch. Như vậy, kết quả đạt được trong nghiên cứu đã thỏa mãn các mục tiêu đề ra.

Một số nội dung được bàn thảo đã đề xuất giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố độc lập với sự phát triển du lịch bền vững An Giang, Việt Nam. Các nhà hoạch định chính sách nên có những điều chỉnh trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, cải thiện đời sống cho người dân ở khu vực du lịch, gắn phát triển kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, phát triển thị trường và sản phẩm du lịch. Ngoài ra, những phát hiện trong nghiên cứu cũng giúp các nhà nghiên cứu thực hiện các nghiên cứu tiếp theo, họ nên thu thập thêm các mẫu trên một khu vực rộng hơn để đánh giá toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Jansen-Verbeke and F. Go, "Tourism development in Vietnam," *Tourism Management*, vol. 16, no. 4, pp. 315-321, 1995.
- [2] H. X. Phan and V. T. Vo, "Some issues for sustainable tourism development in Vietnam," (in Vietnamese), *Scientific Journal of Van Lang University*, vol. 5, pp. 21-32, 2017.
- [3] V. D. Huynh and A. Piracha, "An evaluation on climate change adaptation for tourism sector in the Mekong Delta of Vietnam," *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, vol. 24, no. 9, pp. 894-911, 2019.
- [4] M. H. Pham and J-H. Lee, "Finding important factors affecting local residents' support for tourism development in Ba Be National Park, Vietnam," *Forest Science and Technology*, vol. 13, no. 3, pp. 126-132, 2017.
- [5] T. T. Le, "Tourism development in Vietnam: new strategy for a sustainable pathway," *GeoJournal of Tourism and Geosites*, vol. 31, no. 3, pp. 1174-1179, 2020.
- [6] T. A. Phan, "Sustainable development of An Giang tourism economy and issues," (in Vietnamese), *Review of Financial*, vol. 1, pp. 124-126, 2021.
- [7] K. T. Vuong and R. Premkumar, "Analyzing factors affecting tourism sustainable development towards Vietnam in the new era," *European Journal of Business and Innovation Research*, vol. 7, no. 1, pp. 30-42, 2019.
- [8] T. T. D. Dang and M. T. Le, "Factors Affecting Tourism Development: A Case Study of Southern Red River Delta, Vietnam," *Journal of Business and Management Sciences*, vol. 9, no. 1, pp. 31-35, 2021.
- [9] D. V. Vu, G. N. Tran, H. T. T. Nguyen, and C. V. Nguyen, "Factors Affecting Sustainable Tourism Development in Ba Ria-Vung Tau, Vietnam," *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, vol. 7, no. 9, pp. 561-572, 2020.
- [10] T. N. Nguyen, "Satisfaction of sustainable tourism principles of An Giang province as assessed by domestic tourists," (in Vietnamese), *AGU International Journal of Sciences*, vol. 27, no. 1, pp. 18-29, 2021.
- [11] J. C. Nunnally, *Psychometric theory*, 2nd edition, New York: McGraw-Hill, 1978.
- [12] D. George and P. Mallery, *SPSS for Windows step by step: A simple guide and reference 11.0 update (4th ed.)*. Boston: Allyn & Bacon, 2003.
- [13] W. J. Doll, W. Xia, and G. Torkzadeh, "A confirmatory factor analysis of the end-user computing satisfaction instrument," *MIS Quarterly*, vol. 18, no. 4, pp. 453-461, 1994.
- [14] H. Baumgartner and C. Homburg, "Applications of structural equation modeling in marketing and consumer research: A review," *International Journal of Research in Marketing*, vol. 13, no. 2, pp. 139-161, 1996.
- [15] L. T. Hu and P. M. Bentler, "Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: conventional criteria versus new alternatives," *Structural Equation Modeling*, vol. 6, pp. 1-55, 1999.
- [16] J. F. Hair, W. C. Black, B. J. Babin, and R. E. Anderson, *Multivariate data analysis*, 7th Edition, Pearson, New York, 2010.
- [17] V. D. Huynh and A. Piracha, "An evaluation on climate change adaptation for tourism sector in the Mekong Delta of Vietnam," *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, vol. 24, no. 9, pp. 894-911, 2019.
- [18] D. V. Vu, G. N. Tran, H. T. T. Nguyen, and C. V. Nguyen, "Factors affecting sustainable tourism development in Ba Ria-Vung Tau, Vietnam," *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, vol. 7, no. 9, pp. 561-572, 2020.
- [19] A. M. Vu, C. T. Nguyen, N. T. Nguyen, and T. Le, "Factors influencing on tourism sustainable development in Vietnam," *Management Science Letters*, vol. 10, pp. 1737-1742, 2020.